**Quyết định 612/QĐ-UBDT**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN DÂN TỘC——-** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc—————** |
| Số: 612/QĐ-UBDT | *Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

*Căn cứ Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Phê duyệt danh sách 13.222 thôn đặc biệt khó khăn, bao gồm: 11.179 thôn của xã khu vực III; 736 thôn của xã khu vực II, 1.184 thôn của xã khu vực I và 123 thôn của các xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(danh sách kèm theo).*

**Điều 2.**Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

**Điều 3.**Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

**Điều 4.**Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***– Ban Bí thư Trung ương Đảng;– Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;– Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;– HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;– Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;– Văn phòng Tổng Bí thư;– Văn phòng Chủ tịch nước;– Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;– Văn phòng Quốc hội;– Văn phòng Chính phủ;– Tòa án nhân dân tối cao;– Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;– Kiểm toán Nhà nước;– Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;– Ngân hàng Chính sách Xã hội;– Ngân hàng Phát triển Việt Nam;– Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;– Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;– Các Vụ, đơn vị của UBDT;– Lưu: VT, CSDT. | **BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆMHầu A Lềnh** |

**DANH SÁCHDANH SÁCH**

THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
*(Kèm theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên huyện, xã, thôn** | **Số thôn ĐBKK** |
|  | **Tổng cộng** | **46** |
|  | Xã có thôn vùng DTTS&MN | 4 |
|  | Xã khu vực I | 13 |
|  | Xã khu vực II | 8 |
|  | Xã khu vực III | 21 |
| **I** | **HUYỆN BÙ ĐỐP** |  |
| **1** | **Xã Thanh Hòa** |  |
|  | Ấp 5 |  |
|  | Ấp 8 |  |
| **2** | **Xã Hưng Phước** | I |
|  | Ấp Bù Tam |  |
| **3** | **Xã Phước Thiện** | II |
|  | Ấp Điện Ảnh |  |
|  | Ấp Mười Mẫu |  |
| **4** | **Xã Tân Tiến** | I |
|  | Ấp Sóc Nê |  |
| **II** | **HUYỆN BÙ GIA MẬP** |  |
| **1** | **Xã Bù Gia Mập** | III |
|  | Thôn Bù La |  |
|  | Thôn Bù Nga |  |
|  | Thôn Đắk Á |  |
| **2** | **Xã Đắk Ơ** | III |
|  | Bù Ka |  |
|  | Thôn 6 |  |
|  | Bù Bưng |  |
|  | Bù Khơn |  |
|  | Thôn 3 |  |
|  | Thôn 10 |  |
| **3** | **Xã Phước Minh** | II |
|  | Bình Giai |  |
|  | Bù Tam |  |
| **4** | **Xã Bình Thắng** |  |
|  | Thôn 9 |  |
| **5** | **Xã Phú Văn** | **III** |
|  | Thôn Thác Dài |  |
|  | Thôn Đặk Son 2 |  |
|  | Thôn Đặk Khâu |  |
| **6** | **Xã Đức Hạnh** | I |
|  | Bù Kroai |  |
| **III** | **HUYỆN LỘC NINH** |  |
| **1** | **Xã Lộc Hòa** | **I** |
|  | Ấp Suối Thôn |  |
| **2** | **Xã Lộc Thành** | **I** |
|  | Ấp K Liêu |  |
|  | Ấp Tà Tê 1 |  |
|  | Ấp Lộc Bình 1 |  |
| **3** | **Xã Lộc Khánh** | **II** |
|  | Ấp Ba Ven |  |
|  | Ấp Chà Đôn |  |
|  | Ấp Sóc Lớn |  |
|  | Ấp Cần Lê |  |
| **4** | **Xã Lộc Phú** | **III** |
|  | Ấp Bù Linh |  |
|  | Ấp Vẻ Vang |  |
|  | Ấp Bù Nồm |  |
|  | Ấp Soor Rung |  |
|  | Ấp Tân Hai |  |
| **5** | **Xã Lộc Quang** | **III** |
|  | Ấp Chàng Hai |  |
|  | Ấp Bù Tam |  |
|  | Ấp Bồn Xăng |  |
|  | Ấp Việt Quang |  |
| **IV** | **HUYỆN PHÚ RIỀNG** |  |
| **1** | **Xã Long Tân** |  |
|  | Thôn 6 |  |
| **V** | **HUYỆN BÙ ĐĂNG** |  |
| **1** | **Xã Đăk Nhau** | **I** |
|  | Đak Nung |  |
|  | Đak La |  |
| **2** | **Xã Đăng Hà** | **I** |
|  | Thôn 5 |  |
| **3** | **Xã Đường 10** | **I** |
|  | Thôn 1 |  |
|  | Thôn 5 |  |
| **4** | **Xã Thống Nhất** | **I** |
|  | Thôn 10 |  |

………………………………………..

Mời các bạn sử dụng file tải về để xem chi tiết danh sách thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 trên toàn quốc.